

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:02/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc định lượng một số tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1636/TTr-SGDĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định lượng một số tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long như sau:

1. Giáo viên

1.1. Tại Chương II, Mục 3, Điều 16, Khoản 2, Nội dung b

Giáo viên giảng dạy các chương trình giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân: 100% đạt tiêu chuẩn tương ứng với từng cấp học của giáo dục chính quy; 100% giáo viên dạy các chương trình khác đạt tiêu chuẩn theo quy định của từng vị trí;

1.2. Tại Chương II, Mục 3, Điều 16, Khoản 2, Nội dung c

Thực hiện nghiêm túc chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp giáo dục tích cực; sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn: Hàng năm đánh giá xếp loại giáo viên có 100% giáo viên được đánh giá từ trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 40% xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có ít nhất 10% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

2. Kết quả giáo dục và hiệu quả giáo dục

2.1. Tại Chương II, Mục 3, Điều 19, Khoản 5, Nội dung a

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học viên theo học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung

học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục:

a) Xếp loại học lực của học viên ít nhất 75% đạt từ trung bình trở lên, có ít nhất 10% học viên xếp loại từ khá trở lên. Học viên xếp loại học lực kém không quá 5%.

b) Xếp loại hạnh kiểm của học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm ít nhất 75% đạt loại khá, tốt. Học viên xếp loại hạnh kiểm yếu không quá 5%.

c) Có học viên tham gia và đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, giao lưu, thi học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên.

d) Tỷ lệ học viên lên lớp, tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông hàng năm đều bằng hoặc có tăng so với năm học trước.

2.2. Tại Chương II, Mục 3, Điều 19, Khoản 5, Nội dung b

Học viên học các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: 100% học viên đã hoặc đang tham gia học các chương trình nghề và có ít nhất 90% học viên đạt kết quả từ trung bình trở lên.

2.3. Tại Chương II, Mục 3, Điều 19, Khoản 5, Nội dung c

Học viên hoàn thành các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ góp phần đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương: Học viên bỏ học không quá 5%, lưu ban không quá 5%.

Điều 2. Việc đánh giá chất lượng giáo dục các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh ngoài việc thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương II của Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT còn được thực hiện theo định lượng tại Quyết định này.

Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và được đăng trên công báo tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐ.VPUBND tỉnh;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT. 3.3.5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: Lữ Quang Ngời